

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
SỞ TÀI CHÍNHCỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5097/STC-QLNS

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2024

V/v Hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ và điều chỉnh trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 75/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ

Kính gửi:

- Văn phòng Thành ủy, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố Hà Nội, Văn phòng UBND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc Thành phố;
- Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã.

Căn cứ Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 75/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng;

Căn cứ Thông tư số 62/2024/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ và điều chỉnh trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 75/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ;

Để đảm bảo việc chi trả tiền lương đúng chế độ quy định, Sở Tài chính hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện cải cách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức như sau:

**I. Về xác định nhu cầu kinh phí thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP và điều chỉnh trợ cấp cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 75/2024/NĐ-CP (sau đây viết tắt là Nghị định số 73/2024/NĐ-CP, số 75/2024/NĐ-CP)**

1. Việc xác định đối tượng cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người làm việc được áp dụng mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP và Thông tư số 07/2024/TT-BNV ngày 5/7/2024 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà

nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và hội; trong đó chú ý:

a) Tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước để xác định nhu cầu kinh phí thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP trong năm 2024 là số thực có mặt tại thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2024 trong phạm vi số biên chế được cấp có thẩm quyền giao (hoặc phê duyệt), trong đó:

- Biên chế công chức, viên chức của các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Thành phố và quận, huyện, thị xã: theo quyết định giao của UBND Thành phố;

- Biên chế của các cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội của Thành phố và quận, huyện, thị xã: theo thông báo của Ban Tổ chức Thành ủy.

b) Không tổng hợp vào nhu cầu kinh phí thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP trong năm 2024 của các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Thành phố và các quận, huyện, thị xã:

- Số đối tượng vượt chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao (hoặc phê duyệt) năm 2024; các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm xử lý số biên chế dôi dư theo quy định của pháp luật.

- Số đối tượng là người làm việc theo chế độ hợp đồng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị định số 73/2024/NĐ-CP; các cơ quan, đơn vị bố trí từ dự toán ngân sách nhà nước được giao và các nguồn thu hợp pháp khác để chi trả cho các đối tượng này theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

- Hợp đồng lao động định mức tại các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Thành phố, quận, huyện, thị xã quản lý.

2. Nhu cầu kinh phí thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của các sở, ban, ngành và các quận, huyện, thị xã bao gồm:

- Nhu cầu kinh phí thực hiện mức lương cơ sở và chế độ thưởng cho các đối tượng nêu tại khoản 1 Công văn này bao gồm các khoản tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn) và quỹ tiền thưởng theo quy định. Cách thức xác định tiền lương, phụ cấp thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 07/2024/TT-BNV ngày 5/7/2024 của Bộ Nội vụ và quỹ tiền thưởng thực hiện theo Điều 4 Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ, văn bản hướng dẫn của Bộ Nội vụ và các cơ quan có thẩm quyền.

- Chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp uỷ viên các cấp theo Quy định số 169-QĐ/TW ngày 24/6/2008 của Ban Bí thư; chế độ bồi dưỡng hàng tháng phục vụ hoạt động cấp uỷ thuộc cấp tỉnh theo Quy định số 09-QĐ/VPTW ngày 22/9/2017 của Văn phòng Trung ương Đảng;

- Hoạt động phí của Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp;

- Hỗ trợ kinh phí tăng thêm thực hiện chế độ phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, thôn, tổ dân phố theo quy định tại Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND Thành phố.

3. Ngoài các nội dung quy định nêu trên, nhu cầu kinh phí của các sở, ban, ngành và các quận, huyện, thị xã, bao gồm cả phần ngân sách nhà nước cấp để thực hiện:

- Chính sách tinh giản biên chế, chính sách nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu cho các đối tượng do địa phương quản lý theo quy định của Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế, Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và các văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

- Kinh phí điều chỉnh trợ cấp tăng thêm cho cán bộ xã nghỉ việc được xác định căn cứ vào số đối tượng thực có mặt tại thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2024, mức trợ cấp tăng thêm quy định tại Nghị định số 75/2024/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Nội vụ về việc điều chỉnh mức trợ cấp hằng tháng.

- Kinh phí tăng thêm (từ mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng lên mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng) thực hiện chi trả tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp đối với số biên chế giáo viên tăng thêm theo Quyết định của Ban Tổ chức Trung ương và cấp có thẩm quyền về việc giao biên chế năm 2024.

4. Nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ phụ cấp, trợ cấp tính trên lương, ngạch, bậc hoặc mức lương cơ sở được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành và hướng dẫn của các bộ, cơ quan Trung ương sau thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2024 (nếu có) được tổng hợp vào nhu cầu kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2024 và xử lý nguồn thực hiện theo các hướng dẫn của công văn này.

**II. Về xác định nguồn kinh phí thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP và điều chỉnh trợ cấp cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 75/2024/NĐ-CP**

**1. Đối với các sở, ban, ngành thuộc Thành phố:**

a) Nguồn thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2023 chưa sử dụng hết chuyển sang năm 2024 (nếu có).

b) Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2024 sau khi trừ các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí. Riêng đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của cơ sở y tế công lập sử dụng tối thiểu 35% sau khi trừ các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí. Phạm vi trích số thu được để lại thực hiện theo điểm 3 Mục II công văn này.

c) Sử dụng nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên (không kể các khoản chi tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) dự toán năm 2024 tăng thêm so với dự toán năm 2023 được cấp có thẩm quyền giao.

## 2. Đối với các quận, huyện, thị xã:

a) Sử dụng nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên (không kể các khoản chi tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) dự toán năm 2023 theo Quyết định giao dự toán của UBND Thành phố.

b) Sử dụng nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên (không kể các khoản chi tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) dự toán năm 2024 tăng thêm so với dự toán năm 2023 đã được cấp có thẩm quyền giao.

c) Sử dụng nguồn 70% tăng thu ngân sách địa phương thực hiện năm 2023 và 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so dự toán năm 2023 được UBND Thành phố giao (không kể: thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết; thu tiền thuê đất một lần được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng và thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư theo quy định; thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; phí tham quan các khu di tích, di sản thế giới; phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu; phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã và thu tiền cho thuê, cho thuê mua, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước);

d) Sử dụng 50% phần ngân sách nhà nước giảm chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên trong lĩnh vực hành chính (do thực hiện tinh giản biên chế và đổi mới, sắp xếp lại bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả) và các đơn vị sự nghiệp công lập (do thực hiện đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập).

đ) Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2024 sau khi trừ các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí. Riêng đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của cơ sở y tế công lập sử dụng tối thiểu 35% sau khi trừ các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí. Phạm vi trích số thu được để lại được thực hiện theo điểm 3 Mục II công văn này.

e) Sử dụng nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2023 chưa sử dụng hết chuyển sang (nếu có).

3. Phạm vi và tỷ lệ trích từ nguồn thu được để lại (trừ các cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng tại Mục 4 Phần II công văn này), chú ý một số điểm sau:

a) Đối với các cơ quan hành chính nhà nước: Sử dụng tối thiểu 40% số thu phí (thuộc danh mục phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí) được để lại theo chế độ sau khi trừ các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí (bao gồm cả chi phí đã sử dụng để thực hiện theo mức tiền lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng) theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí (không được trừ chi phí trực tiếp phục vụ cho công tác thu trong trường hợp đã được ngân sách nhà nước bảo đảm chi phí cho hoạt động thu).

b) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường

xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên:

Đối với số thu phí (thuộc danh mục phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí): Sử dụng tối thiểu 40% số thu phí được để lại theo chế độ sau khi trừ các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí (bao gồm cả chi phí đã sử dụng để thực hiện theo mức tiền lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng) theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí (không được trừ chi phí trực tiếp phục vụ cho công tác thu trong trường hợp đã được ngân sách nhà nước bảo đảm chi phí cho hoạt động thu).

Đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của các cơ sở y tế công lập: Sử dụng tối thiểu 35% số thu được để lại theo chế độ sau khi trừ các khoản chi phí đã được kết cấu trong giá dịch vụ theo quy định của pháp luật về giá dịch vụ (như: chi phí thuốc, máu, dịch truyền, hóa chất, vật tư thay thế, vật tư tiêu hao trực tiếp phục vụ cho người bệnh; chi phí điện, nước, nhiên liệu, xử lý chất thải, vệ sinh môi trường; chi phí duy tu, bảo dưỡng thiết bị, mua thay thế công cụ, dụng cụ,... và chi phí tiền lương, phụ cấp đã kết cấu trong giá).

Đối với số thu dịch vụ (bao gồm cả thu học phí), các hoạt động liên doanh liên kết và các khoản thu khác: Sử dụng tối thiểu 40% số chênh lệch thu lớn hơn chi (sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định).

4. Các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 73/2024/NĐ-CP. Cụ thể: Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương, thực hiện chế độ tiền thưởng của viên chức, người lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 1, nhóm 2 do đơn vị tự đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Nghị định số 60/2021/NĐ-CP (nếu có).

5. Ngân sách Thành phố hỗ trợ nhu cầu kinh phí thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng cho các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố và quận, huyện, thị xã sau khi đã cân đối các nguồn kinh phí mà chưa đáp ứng đủ nhu cầu thực hiện theo quy định, trừ các đơn vị quy định tại điểm 4 công văn này.

### **III. Phương thức chi trả, chế độ kế toán và quyết toán kinh phí thực hiện Nghị định số 73/2024/NĐ-CP và Nghị định số 75/2024/NĐ-CP**

1. Các đơn vị sử dụng ngân sách được chủ động sử dụng dự toán ngân sách năm 2024 đã được giao và nguồn thu được để lại theo chế độ để kịp thời chi trả tiền lương, thưởng, phụ cấp, trợ cấp tăng thêm cho các đối tượng theo quy định tại Thông tư 62/2024/TT-BTC ngày 20/8/2024 và công văn này; báo cáo cơ quan chủ quản cấp trên về nhu cầu kinh phí còn thiếu (nếu có) để xử lý theo quy định.

2. Đối với các sở, ban, ngành thuộc Thành phố và quận, huyện, thị xã có nguồn kinh phí để thực hiện các Nghị định số 73/2024/NĐ-CP và Nghị định số 75/2024/NĐ-CP lớn hơn nhu cầu kinh phí thực hiện:

Các sở, ban, ngành thuộc Thành phố và quận, huyện, thị xã chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị và cấp ngân sách trực thuộc chủ động sử dụng các nguồn kinh phí theo quy định để chi trả tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, trợ cấp tăng thêm đối với cán bộ xã nghỉ việc và các chế độ khác theo quy định.

3. Đối với các sở, ban, ngành và quận, huyện, thị xã có nhu cầu kinh phí thực hiện các Nghị định số 73/2024/NĐ-CP và Nghị định số 75/2024/NĐ-CP lớn hơn nguồn kinh phí theo quy định tại công văn này được ngân sách Thành phố bổ sung. Quy trình cụ thể như sau:

- Trên cơ sở báo cáo của các sở, ban, ngành thuộc Thành phố và quận, huyện, thị xã, Sở Tài chính sẽ thẩm định và trình UBND Thành phố bổ sung để các đơn vị đủ nguồn kinh phí thực hiện.

- Trên cơ sở quyết định bổ sung dự toán của UBND Thành phố, các sở, ban, ngành thuộc Thành phố có trách nhiệm phân bổ số kinh phí bổ sung nêu trên cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc; phòng Tài chính - Kế hoạch quận, huyện, thị xã thực hiện rút dự toán về ngân sách quận, huyện, thị xã và báo cáo UBND quận, huyện, thị xã quyết định bổ sung cho các đơn vị dự toán cấp mình và ngân sách cấp dưới để thực hiện theo chế độ quy định.

- Các đơn vị sử dụng ngân sách sử dụng số kinh phí được bổ sung cùng với việc chủ động sử dụng nguồn thu được để lại theo chế độ để chi trả tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP và Nghị định số 75/2024/NĐ-CP của Chính phủ đối với cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị mình theo chế độ quy định.

- UBND xã, thị trấn căn cứ quyết định bổ sung kinh phí của huyện, thị xã chủ động rút dự toán về ngân sách xã, thị trấn và sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để thực hiện chi trả tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng cho các đối tượng thuộc phạm vi ngân sách xã, thị trấn đảm bảo.

4. Nguồn kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP và điều chỉnh trợ cấp cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 75/2024/NĐ-CP chưa sử dụng hết được chuyển sang năm tiếp theo để tiếp tục chi thực hiện cải cách tiền lương; không sử dụng nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương còn lại cho các mục tiêu khác theo đúng quy định của Chính phủ.

5. Kế toán và quyết toán: Việc kế toán, quyết toán kinh phí thực hiện tiền lương, phụ cấp, trợ cấp, tiền thưởng cho các đối tượng theo quy định tại Thông tư này thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật hiện hành.

#### **IV. Báo cáo và thẩm định nhu cầu và nguồn kinh phí thực hiện Nghị định số 73/2024/NĐ-CP và Nghị định số 75/2024/NĐ-CP**

##### **1. Đối với các sở, ban, ngành thuộc Thành phố:**

Các sở, ban, ngành thuộc Thành phố có trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn, xét duyệt và tổng hợp báo cáo nhu cầu, nguồn kinh phí thực hiện Nghị định số 73/2024/NĐ-CP trong năm 2024 gửi Sở Tài chính chậm nhất trước ngày 10/9/2024 (bao gồm các đơn vị đủ nguồn để thực hiện).

## 2. Đối với các quận, huyện, thị xã:

Các quận, huyện, thị xã có trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn, xét duyệt và tổng hợp báo cáo nhu cầu, nguồn kinh phí thực hiện Nghị định số 73/2024/NĐ-CP và Nghị định số 75/2024/NĐ-CP gửi **Sở Tài chính chậm nhất trước ngày 15/9/2024** (kể cả các đơn vị đủ nguồn để thực hiện).

(Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Thành phố và các quận, huyện, thị xã báo cáo nhu cầu và nguồn kinh phí theo các biểu mẫu đính kèm).

Trên đây là hướng dẫn của Sở Tài chính về xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ và điều chỉnh trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 75/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ. Đề nghị các sở, ngành thuộc Thành phố; UBND quận, huyện, thị xã và các cơ quan liên quan tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

Những vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, đề nghị phản ánh về Sở Tài chính để kịp thời giải quyết./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
  - UBND TP (để báo cáo);
  - Sở Nội vụ;
  - KBNN Hà Nội;
  - KBNN các quận, huyện, thị xã;
  - Ban Giám đốc Sở;
  - Phòng TC-KH các quận, huyện, thị xã;
  - Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở;
  - Phòng NSCHX (tổng hợp QH);
  - Phòng TCHCSN (tổng hợp sở, ban, ngành);
  - Công thông tin điện tử Sở Tài chính;
  - Lưu VT, QLNS.
- (25142)

(để  
phối  
hợp)

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Sáng



**BÁO CÁO NHU CẦU KINH PHÍ TĂNG THÊM THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 73/2024/NĐ-CP NĂM 2024**

(Dùng cho các sở, ban, ngành đơn vị thuộc Thành phố và UBND các quận, huyện, thị xã báo cáo Sở Tài chính)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	BIÊN CHẾ ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN GIAO HOẶC PHÊ DUYỆT NĂM 2024	TỔNG SỐ ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LƯƠNG CÓ MẬT ĐẾN 01/7/2024	QUỸ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP THÁNG 7/2024 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 38/2019/NĐ-CP													
				TỔNG CỘNG	LƯƠNG THEO NGẠCH, BẠC CHỨC VỤ	TỔNG CÁC KHOẢN PHỤ CẤP (1)	Bao gồm										CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ (2)
							PHỤ CẤP KHU VỰC	PHỤ CẤP CHỨC VỤ	PHỤ CẤP THẨM NIÊN VƯỢT KHUNG	PHỤ CẤP ƯU ĐÃI NGÀNH	PHỤ CẤP THU HÚT	PHỤ CẤP CÔNG TÁC LÂU NĂM	PHỤ CẤP CÔNG VỤ	PHỤ CẤP CÔNG TÁC ĐẢNG	PHỤ CẤP THẨM NIÊN NGHỀ	PHỤ CẤP KHÁC	
1	2	3	4	5=6+7+18	6	7=8+...17	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	<b>TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)</b>																
<b>I</b>	<b>KHU VỰC HCSN, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ (3)</b>																
	<i>Gồm:</i>																
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo																
a	Giáo dục:																
-	Mầm non																
-	Tiểu học																
-	THCS																
-	THPT																
b	Đào tạo																
2	Sự nghiệp y tế																
3	Sự nghiệp khoa học-công nghệ																
4	Sự nghiệp văn hoá thông tin																
5	Sự nghiệp phát thanh truyền hình																
6	Sự nghiệp thể dục - thể thao																
7	Sự nghiệp đảm bảo xã hội																
8	Các hoạt động kinh tế, khác																
9	Sự nghiệp môi trường																
10	Quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể																
	- Quản lý NN																
	- Đảng, đoàn thể																
<b>II</b>	<b>CÁN BỘ CHUYÊN TRÁCH, CÔNG CHỨC XÃ</b>																
<b>III</b>	<b>HOẠT ĐỘNG PHÍ ĐẠI BIỂU HĐND CÁC CẤP</b>																
	- Cấp tỉnh																
	- Cấp huyện																
	- Cấp xã																
<b>IV</b>	<b>PHỤ CẤP TRÁCH NHIỆM CẤP ỦY</b>																
	- Ủy viên cấp tỉnh																
	- Ủy viên cấp huyện																
	- Ủy viên cấp xã																

**Ghi chú:**

(1) Chi tính các khoản phụ cấp do Trung ương quy định, không kể tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ, phụ cấp theo mức tuyệt đối

(2) Mức đóng BHXH là 17,5%, BHYT là 3%, BHTN là 1%, KPCĐ là 2%.

(3) Chi tổng hợp nhu cầu kinh phí các đơn vị chưa tự bảo đảm chi thường xuyên.

STT	NỘI DUNG	QUỸ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP THÁNG 7/2024 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2023/NĐ-CP														
		TỔNG CỘNG	LƯƠNG THEO NGẠCH, BẠC CHỨC VỤ	TỔNG CÁC KHOẢN PHỤ CẤP (1)	Bao gồm											CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP BHXH, BHYT, BHYTN, KPCĐ (2)
					PHỤ CẤP KHU VỰC	PHỤ CẤP CHỨC VỤ	PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG	PHỤ CẤP ƯU ĐÃI NGÀNH	PHỤ CẤP THU HÚT	PHỤ CẤP CÔNG TÁC LÂU NĂM	PHỤ CẤP CÔNG VỤ	PHỤ CẤP CÔNG TÁC ĐẢNG	PHỤ CẤP THÂM NIÊN NGHỀ	PHỤ CẤP KHÁC		
1	2	19=20+21+32	20	21=22+.31	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	
	<b>TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)</b>															
<b>I</b>	<b>KHU VỰC HCSN, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ (3)</b>															
	<i>Cồm:</i>															
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo															
a	Giáo dục:															
-	Mầm non															
-	Tiểu học															
-	THCS															
-	THPT															
b	Đào tạo															
2	Sự nghiệp y tế															
3	Sự nghiệp khoa học-công nghệ															
4	Sự nghiệp văn hoá thông tin															
5	Sự nghiệp phát thanh truyền hình															
6	Sự nghiệp thể dục - thể thao															
7	Sự nghiệp đảm bảo xã hội															
8	Các hoạt động kinh tế, khác															
9	Sự nghiệp môi trường															
10	Quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể															
	- <i>Quản lý NN</i>															
	- <i>Đảng, đoàn thể</i>															
<b>II</b>	<b>CÁN BỘ CHUYÊN TRÁCH, CÔNG CHỨC XÃ</b>															
<b>III</b>	<b>HOẠT ĐỘNG PHÍ ĐẠI BIỂU HĐND CÁC CẤP</b>															
	- <i>Cấp tỉnh</i>															
	- <i>Cấp huyện</i>															
	- <i>Cấp xã</i>															
<b>IV</b>	<b>PHỤ CẤP TRÁCH NHIỆM CẤP ỦY</b>															
	- <i>Ủy viên cấp tỉnh</i>															
	- <i>Ủy viên cấp huyện</i>															
	- <i>Ủy viên cấp xã</i>															

STT	NỘI DUNG	QUỸ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP THÁNG 7/2024 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 73/2024/NĐ-CP														NHU CẦU KINH PHÍ TĂNG THÊM THEO ND SỐ 24/2023/NĐ-CP (mức lương cơ sở 1,8 trđ)		NHU CẦU KINH PHÍ TĂNG THÊM THEO ND SỐ 73/2024/NĐ-CP (mức lương cơ sở 2,34 trđ)				
		TỔNG CỘNG	LƯƠNG THEO NGẠCH, BẠC CHỨC VỤ	TỔNG CÁC KHOẢN PHỤ CẤP (1)	Bao gồm											CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ (2)	CHÊNH LỆCH QUỸ LƯƠNG, PHỤ CẤP TĂNG THÊM 01 THÁNG	NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ND SỐ 24/2023/NĐ-CP NĂM 2024 (12 tháng)	CHÊNH LỆCH QUỸ LƯƠNG, PHỤ CẤP TĂNG THÊM (01 tháng)	NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ND SỐ 73/2024/NĐ-CP NĂM 2024 (06 tháng)	QUỸ TIỀN THƯỜNG 01 THÁNG	QUỸ TIỀN THƯỜNG THEO ND SỐ 73/2024/NĐ-CP (06 tháng)
					PHỤ CẤP KHU VỰC	PHỤ CẤP CHỨC VỤ	PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG	PHỤ CẤP ƯU ĐÃI NGÀNH	PHỤ CẤP THU HÚT	PHỤ CẤP CÔNG TÁC LÂU NĂM	PHỤ CẤP CÔNG VỤ	PHỤ CẤP CÔNG TÁC ĐẢNG	PHỤ CẤP THÂM NIÊN NGHỀ	PHỤ CẤP KHÁC								
1	2	33=34+35+46	34	35=36+...45	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47=19-5	48=47*12T	49=33-19	50=49*6T	51=34*10%	52=51*6T	
	<b>TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)</b>																					
<b>I</b>	<b>KHU VỰC HCSN, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ (3)</b>																					
	<i>Gồm:</i>																					
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo																					
a	Giáo dục:																					
-	Mầm non																					
-	Tiểu học																					
-	THCS																					
-	THPT																					
b	Đào tạo																					
2	Sự nghiệp y tế																					
3	Sự nghiệp khoa học-công nghệ																					
4	Sự nghiệp văn hoá thông tin																					
5	Sự nghiệp phát thanh truyền hình																					
6	Sự nghiệp thể dục - thể thao																					
7	Sự nghiệp đảm bảo xã hội																					
8	Các hoạt động kinh tế, khác																					
9	Sự nghiệp môi trường																					
10	Quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể																					
	- <i>Quản lý NN</i>																					
	- <i>Đảng, đoàn thể</i>																					
<b>II</b>	<b>CÁN BỘ CHUYÊN TRÁCH, CÔNG CHỨC XÃ</b>																					
<b>III</b>	<b>HOẠT ĐỘNG PHÍ ĐẠI BIỂU HĐND CÁC CẤP</b>																					
	- <i>Cấp tỉnh</i>																					
	- <i>Cấp huyện</i>																					
	- <i>Cấp xã</i>																					
<b>IV</b>	<b>PHỤ CẤP TRÁCH NHIỆM CẤP ỦY</b>																					
	- <i>Ủy viên cấp tỉnh</i>																					
	- <i>Ủy viên cấp huyện</i>																					
	- <i>Ủy viên cấp xã</i>																					



**TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ TĂNG THÊM ĐỂ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP ĐỐI VỚI CÁN BỘ KHÔNG CHUYÊN TRÁCH  
CẤP XÃ, THÔN VÀ TỔ DÂN PHỐ NĂM 2024**

*(Dùng cho UBND quận, huyện, thị xã báo cáo Sở Tài chính)*

*Đơn vị: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Tổng đơn vị hành chính cấp xã, thôn và tổ DP	Mức khoán quỹ phụ cấp 01 tháng theo Nghị định 33/2020/NĐ-CP	Quỹ khoán phụ cấp 01 tháng theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	Quỹ khoán phụ cấp 01 tháng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	Chênh lệch kinh phí khoán quỹ phụ cấp năm 2024
A	B	1	2	3=1*2*1,8trđ	4=1*2*2,34trđ	5=(4-3)*6T
	<b>Tổng số</b>					
<b>I</b>	<b>Xã, phường, thị trấn</b>					
1	Loại 1		21,0			
2	Loại 2		18,0			
3	Loại 3		15,0			
<b>II</b>	<b>Thôn, tổ dân phố</b>					
<b>1</b>	<b>Số xã biên giới, hải đảo</b>					
	- Thôn thuộc xã biên giới, hải đảo		6,0			
	- Tổ dân phố thuộc xã biên giới, hải đảo					
<b>2</b>	<b>Số xã có thôn, tổ dân phố có 350 hộ gia đình trở lên, xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền</b>					
	- Số thôn có 350 hộ gia đình trở lên, thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền		6,0			
	- Tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên		6,0			
	- Tổ dân phố thuộc xã trọng điểm, phức tạp về ANTT theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền		6,0			
	- Tổ dân phố chuyển từ thôn có 350 hộ gia đình trở lên do thành lập đơn vị hành chính cấp xã		6,0			
<b>3</b>	<b>Số xã, phường, thị trấn còn lại</b>					
	- Thôn còn lại		4,5			
	- Tổ dân phố		4,5			

**TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ TĂNG THÊM ĐỂ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH VÀ NGƯỜI THAM GIA TRỰC TIẾP HOẠT ĐỘNG Ở THÔN, TỎ DÂN PHỐ NĂM 2024 THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 18/2023/NQ-HĐND**

(Dùng cho UBND quận, huyện, thị xã báo cáo Sở Tài chính)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Chức danh cán bộ	Số lượng chức danh	Hệ số	Nhu cầu kinh phí theo mức lương 1,49 trđ	Nhu cầu kinh phí theo mức lương 1,8 trđ	Nhu cầu kinh phí theo mức lương 2,34 trđ	Nhu cầu chênh lệch tăng thêm năm 2024 mức lương 1,49-1,8 (12 tháng)	Nhu cầu chênh lệch tăng thêm năm 2024 mức lương cơ sở 1,8trđ - 2,34trđ		Tổng cộng
								Chênh lệch tăng thêm (01 tháng)	Nhu cầu chênh lệch tăng thêm 6 tháng	
A	B	1	2	3	4	5	6=4-3*12T	7=5-4	8=7*6T	9=6+8
	<b>Tổng cộng</b>									
<b>I</b>	<b>Người hoạt động không chuyên trách</b>									
<b>1</b>	<b>Thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên, thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền</b>									
-	Bí thư Chi bộ thôn, tổ dân phố		2,10							
-	Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố		2,10							
-	Trưởng ban công tác mặt trận		1,80							
<b>2</b>	<b>Đối với các thôn, tổ dân phố còn lại</b>									
-	Bí thư Chi bộ thôn		1,60							
-	Trưởng thôn		1,60							
-	Trưởng ban công tác mặt trận		1,30							
<b>II</b>	<b>Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố</b>									
1	Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố	1	1,0							
2	Chi Hội trưởng Hội cựu chiến binh		0,3							
3	Chi Hội trưởng Hội liên hiệp phụ nữ		0,3							
4	Chi Hội trưởng Hội nông dân		0,3							
5	Bí thư đoàn thanh niên		0,3							



**BÁO CÁO NHU CẦU KINH PHÍ TĂNG THÊM CHI TRẢ CHẾ ĐỘ CHO SÓ BIÊN CHẾ GIÁO VIÊN TĂNG THÊM NĂM HỌC 2023-2024**

(Dùng cho các sở, ban, ngành đơn vị thuộc Thành phố và UBND các quận, huyện, thị xã báo cáo Sở Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tổng số biên chế giao bổ sung năm 2024	Tổng số biên chế có mặt đến 01/7/2024	Tổng hệ số của 01 biên chế	Bao gồm						Tỷ lệ các khoản đóng góp	Nhu cầu kinh phí tăng thêm thực hiện Nghị định số 24/2023 và Nghị định số 73/2024/NĐ-CP (1)
					Hệ số lương theo ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó					
							Tỷ lệ phụ cấp khu vực	Tỷ lệ phụ cấp ưu đãi nghề	Tỷ lệ phụ cấp thu hút	Tỷ lệ phụ cấp đặc biệt		
1	2	3	4	5=6+7+11	6	7=8+9*6+10*6+11*6	8	9	10	11	12=6*23,5%	13=4*5*0,31trđ* số tháng thực tế hưởng
	<b>Tổng số</b>											
1	Mầm non											
2	Tiểu học											
3	Trung học cơ sở											
4	Trung học phổ thông											

Ghi chú:

(1) Căn cứ thời điểm tuyển dụng để báo cáo nhu cầu

Địa phương tính toán nhu cầu tăng thêm theo số tháng thực tế hưởng



**BÁO CÁO NGUỒN THỰC HIỆN CCTL TIẾT KIỆM DO THAY ĐỔI MỨC ĐỘ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH TRONG NĂM 2024  
THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 19-NQ/TW NGÀY 25/10/2017 CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG**

*(Dùng cho các sở, ban, ngành đơn vị thuộc Thành phố và UBND các quận, huyện, thị xã báo cáo Sở Tài chính)*

*Đơn vị: triệu đồng*

STT	Phân loại ĐVSN	Số lượng đơn vị đến 31/12/2023	Số lượng đơn vị đến 31/12/2024	Số lượng đơn vị thay đổi loại hình cơ chế tự chủ		Kinh phí tiết kiệm được trong 01 tháng từ việc thay đổi mức tự chủ tài chính (1)	Kinh phí tiết kiệm được năm 2024	50% kinh phí giảm chi NSNN năm 2024 dành để CCTL
				Tăng	Giảm			
B	B	1	2	3	4	5	6	7=6*50%
	<b>Tổng số</b>							
1	Đơn vị đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư							
2	Đơn vị đảm bảo chi thường xuyên							
3	Đơn vị đảm bảo một phần chi thường xuyên							
4	Đơn vị được nhà nước đảm bảo chi thường xuyên							

*Ghi chú:*

*(1) Phần NSNN giảm hỗ trợ cho đơn vị*

*(2) Kinh phí tiết kiệm được không bao gồm kinh phí tiết kiệm từ việc tinh giản biên chế, sáp nhập đơn vị đã được tổng hợp tại biểu số 05*



**TỔNG HỢP NHU CẦU, NGUỒN THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH 73/2024/NĐ-CP NĂM 2024**

(Dùng cho các sở, ban, ngành đơn vị thuộc Thành phố và UBND các quận, huyện, thị xã báo cáo Sở Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN CCTL NĂM 2024	NGUỒN TỪ TIẾT KIỂM 10% CHI THƯỜNG XUYÊN, NGUỒN THU ĐỀ LẠI ĐƠN VỊ					
			TỔNG SỐ	TIẾT KIỂM 10% CHI THƯỜNG XUYÊN	NGUỒN THU TỪ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP			
					PHÍ ĐƯỢC ĐỀ LẠI	HỌC PHÍ	VIỆN PHÍ	KHÁC
	<b>TỔNG SỐ</b>							
a	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo							
	Trong đó:							
	- Giáo dục							
	- Đào tạo							
b	Sự nghiệp y tế							
c	Sự nghiệp khác							
d	Quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể							
	Trong đó: Cán bộ, công chức cấp xã							
	<b>Trong đó:</b>							
<b>I</b>	<b>Khối các sở, ban, ngành đơn vị thuộc Thành phố</b>							
a	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo							
	Trong đó:							
	- Giáo dục							
	- Đào tạo							
b	Sự nghiệp y tế							
c	Sự nghiệp khác							
d	Quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể							
<b>II</b>	<b>Khối các quận, huyện, thị xã</b>							
<b>1</b>	<b>Huyện A</b>							
a	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo							
	Trong đó:							
	- Giáo dục							
	- Đào tạo							
b	Sự nghiệp y tế							
c	Sự nghiệp khác							
d	Quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể							
	Trong đó: Cán bộ, công chức cấp xã							
<b>2</b>	<b>Huyện B</b>							
	...							



**BÁO CÁO NGUỒN KINH PHÍ ĐỂ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2024**

(Dùng cho các sở, ban, ngành Thành phố báo cáo Sở Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
1	2	3
<b>A</b>	<b>NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2024</b>	
1	Số thu được huy động từ nguồn để lại đơn vị năm 2024 (các đơn vị chưa tự đảm bảo chi thường xuyên):	
-	Nguồn thu phí được để lại theo chế độ	
-	Học phí	
-	Viện phí	
-	Nguồn thu khác	
2	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2023 chưa sử dụng hết chuyển sang 2024	
3	Ngân sách thành phố bổ sung cho các đơn vị thiếu nguồn thực hiện CCTL theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	
4	Ngân sách thành phố bổ sung cho các đơn vị thực hiện tinh giản biên chế	
5	Nguồn CCTL theo kiến nghị của Thanh tra, Kiểm toán (nếu có)	
6	Nguồn khác (ghi rõ nội dung)	
<b>B</b>	<b>TỔNG NHU CẦU KINH PHÍ TĂNG THÊM NĂM 2024 (I+II+III)</b>	
<b>I</b>	<b>Tổng nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 (12 tháng)</b>	
<b>II</b>	<b>Tổng nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 (6 tháng)</b>	
1	Quỹ tiền lương, phụ cấp tăng thêm đối với cán bộ công chức khu vực hành chính, sự nghiệp	
2	Hoạt động phí tăng thêm đối với đại biểu hội đồng nhân dân các cấp	
3	Kinh phí tăng thêm để thực hiện phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên các cấp theo QĐ số 169-QĐ/TW ngày 24/6/2008	
4	Kinh phí tăng thêm để thực hiện chế độ bồi dưỡng hàng tháng phục vụ hoạt động cấp ủy thuộc cấp tỉnh theo Quy định số 09-QĐ/VPTW ngày 22/9/2017 của Văn phòng Trung ương Đảng	
5	Quỹ tiền thưởng theo quy định	
<b>III</b>	<b>Nhu cầu thực hiện một số loại phụ cấp, trợ cấp theo quy định</b>	
1	Nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2024 Nghị định 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ	
2	Nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách nghỉ hưu trước tuổi năm 2024 theo NĐ số 26/2014/NĐ-CP ngày 09/3/2015	
3	Nhu cầu kinh phí tăng thêm thực hiện chế độ thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo tại hội đặc thù	
4	Kinh phí tăng thêm chi trả chế độ cho giáo viên được giao năm học 2023-2024 theo Quyết định của ban tổ chức Trung ương	
...	...	
<b>C</b>	<b>CHÉNH LỆCH NHU CẦU VÀ NGUỒN NĂM 2024</b>	
1	Phần thiếu nguồn ngân sách Thành phố hỗ trợ	
2	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư	

**BÁO CÁO NGUỒN KINH PHÍ ĐỂ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2024***(Dùng cho UBND các quận, huyện, thị xã báo cáo Sở Tài chính)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
1	2	3
<b>A</b>	<b>NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2024</b>	
1	70% tăng thu NSDP (không kể thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết; tiền thuê đất một lần được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, GPMB và thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chỉ đầu tư theo quy định; thu tiền bảo vệ và PT đất trồng lúa; phí tham quan các khu di tích, di sản thế giới; phí sử dụng kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu; phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; thu quỹ đất công ích, thu hoa lợi công sản; thu đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất; thu tiền cho thuê, cho thuê mua, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước) thực hiện năm 2023 so dự toán Thành phố giao năm 2023	
2	50% tăng thu NSDP (không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, các khoản loại trừ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết số 34/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội) dự toán 2024 so dự toán 2023 thành phố giao	
3	Số tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán năm 2023	
4	Số tiết kiệm 10% chi thường xuyên tăng thêm dự toán năm 2024 so dự toán năm 2023	
5	Số thu được huy động từ nguồn để lại đơn vị năm 2024 (các đơn vị chưa tự đảm bảo chi thường xuyên)	
-	Phí	
-	Học phí	
-	Viện phí	
-	Nguồn thu khác	
6	50% phần NSNN giảm chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên trong lĩnh vực hành chính (do thực hiện tinh giản biên chế và đổi mới, sắp xếp lại bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả) và các đơn vị sự nghiệp công lập (do thực hiện đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả của đơn vị sự nghiệp công lập)	
7	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2023 chưa sử dụng hết chuyển sang 2024	
8	Nguồn CCTL theo kiến nghị của Thanh tra, Kiểm toán (nếu có)	
9	Nguồn khác (chi tiết nội dung)	
<b>B</b>	<b>TỔNG NHU CẦU NĂM 2024 (I+II+III)</b>	
<b>I</b>	<b>Tổng nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 và Nghị định số 42/2023/NĐ-CP ngày 29/6/2023 của Chính phủ (12 tháng)</b>	
<b>II</b>	<b>Tổng nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 và Nghị định số 75/2024/NĐ-CP của Chính phủ (6 tháng)</b>	
1	Quỹ tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức người làm việc trong khu vực hành chính sự nghiệp	
2	Quỹ lương, phụ cấp tăng thêm đối với cán bộ chuyên trách và công chức cấp xã	
3	Hoạt động phí tăng thêm đối với đại biểu hội đồng nhân dân các cấp	
4	Quỹ trợ cấp tăng thêm đối với cán bộ xã nghỉ việc hưởng trợ cấp hàng tháng theo Nghị định 75/2024/NĐ-CP	
5	Kinh phí tăng thêm đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn và tổ dân phố, trong đó:	
	- Người hoạt động không chuyên trách cấp xã	
	- Người hoạt động không chuyên trách thôn, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố	
6	Kinh phí tăng thêm để thực hiện phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên các cấp theo QĐ số 169-QĐ/TW ngày 24/6/2008	
7	Kinh phí tăng thêm thực hiện chế độ bồi dưỡng phục vụ hoạt động cấp ủy thuộc cấp tỉnh theo quy định 09-QĐ/VPTW ngày 22/9/2017	
8	Quỹ tiền thưởng theo quy định	
<b>III</b>	<b>Nhu cầu thực hiện một số loại phụ cấp, trợ cấp theo quy định:</b>	
1	Nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2024 theo Nghị định 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ	
2	Nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách nghỉ hưu trước tuổi năm 2024 theo NĐ số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ	
3	Nhu cầu kinh phí tăng thêm thực hiện chế độ thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo tại hội đặc thù	
4	Kinh phí tăng/giảm so với số liệu đã tính định mức chi thường xuyên do thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ	
5	Kinh phí tăng thêm chi trả chế độ cho giáo viên được giao năm học 2023-2024 theo Quyết định của ban tổ chức Trung ương	
6	Các khoản phụ cấp, trợ cấp khác (nếu có)	
<b>C</b>	<b>CHÊNH LỆCH NHU CẦU VÀ NGUỒN NĂM 2024</b>	
<b>1</b>	<b>Phần thiếu nguồn ngân sách Thành phố hỗ trợ</b>	
<b>2</b>	<b>Nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư</b>	